

Bản án số: 19/2019/HNGĐ- PT
Ngày 16 tháng 10 năm 2019
“ V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

Các thẩm phán: Ông Đoàn Ngọc Thiện

Ông Trịnh Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2019/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 về việc “Ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 42/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐ-PT ngày 24/9/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thúy Q, sinh năm 1989; HKTT: đường P, tổ 1, khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; địa chỉ liên lạc: Ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phan A K, sinh năm 1982; HKTT: đường P, tổ 1, khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; địa chỉ liên lạc: Số 12 đường T, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phan A K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Huỳnh Thị Thúy Q trình bày:

Về hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu Bà và ông Phan A K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B ngày 15/3/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh

được một con. Nhưng quá trình chung sống đã nảy sinh mâu thuẫn, ban đầu chỉ là nhỏ nhưng càng ngày mâu thuẫn càng nghiêm trọng, không khắc phục được, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, hai vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm. Nay Bà, không còn tình cảm gì với ông K nên đề nghị Tòa giải quyết cho Bà được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng Bà có 01 con chung là cháu Phan Huỳnh An N, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2011. Bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi con chung và yêu cầu ông Phan A K cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của ông K.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn, ông Phan An K trình bày:

Về hôn nhân: Ông xác nhận tình trạng hôn nhân đúng như bà Q trình bày. Nhưng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do quan hệ mẹ chồng nàng dâu, do quan điểm sống của mỗi người khác nhau, do cách nuôi dạy con khác nhau. Mâu thuẫn kéo dài, tình cảm vợ chồng suy giảm và đã sống ly thân. Nay, bà Q yêu cầu ly hôn thì Ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng Ông có một con chung là cháu N. Ông cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu bởi Ông có điều kiện chăm sóc tốt, có nhiều thời gian hơn và mức lương cao hơn bà Q. Trong trường hợp Tòa án giao cháu N cho bà Q nuôi dưỡng thì Ông đồng ý cấp dưỡng cho cháu 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 42/2019/HNGĐ-ST ngày 25/7/2019 Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thúy Q về việc xin ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con với ông Phan A K.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thúy Q được ly hôn với ông Phan A K.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Phan Huỳnh An N sinh ngày 19/6/2011 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Phan A K phải cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng một tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện chậm nhất là ngày 20 hàng tháng và bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, trách nhiệm do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, ông Phan A K làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung cho ông K nuôi

dưỡng, ông không yêu cầu cấp dưỡng. Lý do là thu nhập của Ông K cao hơn bà Q, có nhiều thời gian hơn vì bà Q làm ngân hàng nên bận rộn hơn, ông K đang sống cùng cha mẹ nên có chỗ ở ổn định, còn bà Q phải thuê nhà, bà Q chuyển về tỉnh Trà Vinh làm việc trong khi đó môi trường sống ở TP Bà Rịa tốt hơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Phan A K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà Huỳnh Thị Thúy Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Không bị kháng cáo nên không xem xét tại cấp phúc thẩm.

Về con chung: Ông Phan A K và bà Huỳnh Thị Thúy Q có 01 con chung là cháu Phan Huỳnh An N sinh ngày 19/6/2011. Hiện nay ông K và bà Q thuận tình ly hôn nhưng đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung thì thấy: Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì ông K có mức thu nhập là 29.831.000 đồng/tháng, bà thu nhập là 10.000.000 đồng/tháng. Như vậy, cả ông K và bà Q đều có công việc ổn định, có mức thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung. Về nhà ở: Ông K hiện nay vẫn sống tại nhà cha mẹ ở thành phố Bà Rịa còn bà Q về Trà Vinh thuê nhà trọ sinh sống nên cả anh K và chị Q đều chưa có nhà riêng. Xét thấy cháu N là cháu gái đang trong độ tuổi phát triển tâm sinh lý và thể chất nhất là hiện nay cháu N bị bệnh dậy thì sớm nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, mặt khác cháu N có nguyện vọng muốn sống cùng với mẹ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Phan Huỳnh An N cho bà Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Phan A K. Đề nghị HĐXX phúc thẩm TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015; giữ nguyên Bản án số 42/2019/HNGĐ-ST ngày 25/7/2019 của TAND thành phố Bà Rịa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Phan A K nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo nêu trên như sau:

[2] Ông Phan A K yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Phan Huỳnh An N với lý do ông K có điều kiện hơn. Xét điều kiện công việc thì ông K làm trong khu công nghiệp cũng xa nhà, chưa có nhà riêng hiện đang sống cùng cha mẹ, cháu bé hiện đang ở với ông K, học tập đưa đón đều nhờ bà nội phụ giúp. Còn môi trường sống thì dù ở tỉnh Trà Vinh hay thành phố Bà Rịa thì

điều kiện học tập của cháu N cũng như nhau. Còn bà Q làm việc tại ngân hàng, công việc ổn định, đủ điều kiện để đưa đón cháu trong khi đó cháu N là con gái được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng dạy bảo vẫn thuận lợi hơn, nhất là khi cháu vào tuổi dậy thì. Ngoài ra cháu N cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá các điều kiện của cha, mẹ và nguyện vọng của con nên đã giao con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay ông K không đưa ra được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình, cũng như chứng minh việc bà Q chăm sóc con chung không tốt. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm ông Phan A K phải chịu.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan A K. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 42/2019/HNGĐ-ST ngày 25/7/2019 Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thúy Q về việc “Ly hôn” với ông Phan A K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thúy Q và ông Phan A K thuận tình ly hôn.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Phan Huỳnh An N sinh ngày 19/6/2011 cho bà Huỳnh Thị Thúy Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Phan A K phải cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 (bốn triệu) đồng một tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/11/2019.

- Ông Phan A K có quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con thì Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Ông Phan A K có nghĩa vụ giao cháu Phan Huỳnh An N cho người trực tiếp nuôi dưỡng là bà Huỳnh Thị Thúy Q.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Thúy Q phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008159 ngày 22/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Bà Q đã nộp xong.

- Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Phan A K phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 000692 ngày 08/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Ông K đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BRVT;
- TAND TP BR;
- Các đương sự;
- Chi cục THA TP BR;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký, đóng dấu

Nguyễn Thị Phương Bắc